

Bản án số: 205/2018/HSST

Ngày: 30/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tất Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Mạnh Tường

Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thủy Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 172/2018/HSST ngày 19/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2018/QĐXXST-HS ngày 15/8/2018 đối với bị cáo:

1- NGUYỄN THANH L, giới tính: Nam; sinh: 21/10/1983; nơi sinh: tại Tp.H; thường trú: phường P, quận Đ, Tp.H; cư trú: phường T, quận Đ, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: lái xe; con ông Nguyễn Văn Y và bà Trần Thị M; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; tạm giam: 02/4/2018 đến ngày 27/4/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2- BÙI TUẤN A, giới tính: Nam; sinh: 28/4/1996; nơi sinh: tại Tp.H; thường trú và cư trú: phường T, quận Đ, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: sinh viên; con ông Bùi Q và bà Tô Thị K; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; tạm giam: 02/4/2018 đến ngày 05/4/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3- BÙI MINH T; giới tính: Nam; sinh: 01/3/1990; nơi sinh: tại N; thường trú: phường P, tp.R, tỉnh N; cư trú: không nơi ổn định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 00/12; nghề nghiệp: Sơn nước; cha: không rõ và mẹ: Bùi Thị Đ; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; tạm giam: 02/4/2018 (có mặt).

4- TRƯƠNG THỊ T1, giới tính: Nữ; sinh: 01/01/1971; nơi sinh: tại Q; thường trú: xã U, huyện S, tỉnh Q; cư trú: phường B, quận T, Tp.H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; trình độ văn hóa: 00/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Trương G và bà Lâm Thị X; chồng: Nguyễn Hùng S, có 02 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giam: 02/4/2018 đến ngày 05/4/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5- TRẦN THỊ THA N, giới tính: Nữ; sinh: 10/02/1981; nơi sinh: tại N; thường trú: xã M, huyện S, tỉnh N; cư trú: phường C, quận T Tp.H; quốc tịch: Việt Nam; dân

tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: làm tóc; con ông Trần Văn S1 và bà Biện Thị Kim M; tiền án, tiền sự: không; tạm giam: 02/4/2018 đến ngày 27/4/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6- NGUYỄN QUANG D, giới tính: Nam; sinh: 25/7/1985; nơi sinh: tại B1; thường trú: thị trấn C, huyện Q, tỉnh B1; cư trú: phường C, quận T, Tp.H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: thợ điện; con ông Nguyễn K và bà Võ Thị M; vợ: Lương Thị T; có 01 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giam: 02/4/2018 (có mặt).

7- NÔNG VĂN K, giới tính: Nam; sinh: 13/7/1978; nơi sinh: tại L; thường trú và cư trú: phường B, quận T, Tp.H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dáy; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Nông Văn S và bà Hoàng Thị M; vợ: Nhiêu Chiều Từ Q; có 01 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giam: 02/4/2018 đến ngày 05/4/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

8- NGÔ ĐÌNH V, giới tính: Nam; sinh: 02/5/1975; nơi sinh: tại H; thường trú: xã Đ, huyện X, tỉnh N; cư trú: phường C, quận T, Tp.H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Ngô Hải N và bà Nguyễn Thị H; vợ: Vũ Thị U, có 01 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giam: 02/4/2018 đến ngày 27/4/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang D: Luật sư Trần Thanh B - Văn phòng Luật sư Trần Thanh B - Đoàn Luật sư Tp.H (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 02/4/2018, Nguyễn Thanh L, Bùi Tuấn A, Bùi Minh T, Trương Thị T1, Trần Thị Thanh N, Nguyễn Quang D, Nông Văn K, Ngô Đình V đến quán cà phê phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh để chơi bài phỏm ăn thua bằng tiền. Khi chơi, Nguyễn Thanh L, Bùi Tuấn A, Bùi Minh T và Trương Thị T1 chơi chung 01 sòng; Trần Thị Thanh N, Nguyễn Quang D, Nông Văn K, Ngô Đình V ngồi chung 01 sòng. Cách thức chơi là 04 người dùng 01 bộ bài tây 52 lá, chia cho mỗi người (tự) 09 lá bài, người chia bài được 10 lá và được đánh trước, các lá bài còn lại để giữa sòng bài để những người chơi thay nhau kéo, khi kéo hết lá bài thì bắt đầu tính phỏm và tính điểm (phỏm là có 03 lá giống nhau trở lên hoặc có sảnh đồng chất cơ, rô, chuồn, bích), nếu bài của người nào có nhiều phỏm thì thắng 03 người còn lại với số tiền tương ứng như đã giao kèo trước là 10.000đ, 20.000đ, 30.000đ, 40.000đ, 50.000đ, người nào thắng ù thì bỏ ra 20.000đ trả tiền mua bài cho người bán tại quán cà phê. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi L, Tuấn A, T, T1, N, D, K và V đang chơi bài phỏm ăn thua bằng tiền thì bị Công an quận Thủ Đức kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Sòng bài thứ nhất, gồm: Nguyễn Thanh L, Bùi Tuấn A, Bùi Minh T, Trương Thị T1. Khi đi L mang theo 5.300.000đ để đánh bạc, đã chơi nhiều ván, ăn được 20.000đ, lúc bị bắt thu giữ trong người L số tiền 5.000.000đ và thu tại chiếu bạc số tiền 320.000đ; Tuấn A mang theo 2.000.000đ, sử dụng 500.000đ để đánh bạc, đã đánh nhiều ván và ăn được 100.000đ, khi bị bắt đã thu giữ 600.000đ dùng đánh bạc và

1.500.000đ không dùng đánh bạc; T mang theo 190.000đ để đánh bạc, đã đánh nhiều ván và thua 70.000đ, khi bị bắt đã thu giữ số tiền 120.000đ; T1 mang theo 150.000đ để đánh bạc, đã đánh nhiều ván và thua 50.000đ, khi bị bắt đã thu giữ số tiền 100.000đ.

Tang vật thu giữ gồm:

- Thu tại chiếu bạc số tiền 840.000đ dùng đánh bạc (L 320.000đ, Tuấn A 300.000đ, T 120.000đ và T1 100.000đ);

- Tiền thu trong người dùng đánh bạc là 5.300.000đ. (L: 5.000.000đ, Tuấn A 300.000đ)

- Tiền thu của Tuấn A 1.500.000đ (không dùng đánh bạc), 01 bộ bài tây 52 lá.

Sòng bài thứ 2, gồm: Trần Thị Thanh N, Ngô Đình V, Nguyễn Quang D và Nông Văn K. Khi đi N mang theo số tiền 4.200.000đ để đánh bạc, đã chơi nhiều ván và thắng được 200.000đ, lúc bị bắt thu giữ trong người N số tiền 4.000.000đ và thu tại chiếu bạc số tiền 400.000đ; V mang theo 340.000đ sử dụng để đánh bạc, đã đánh nhiều ván và thua 290.000đ, khi bị bắt đã thu giữ 50.000đ; D mang theo 250.000đ để đánh bạc, đã đánh nhiều ván và thua 90.000đ, khi bị bắt đã thu giữ số tiền 160.000đ; K mang theo 1.000.000đ để đánh bạc, đã đánh nhiều ván và thắng được 120.000đ, khi bị bắt đã thu giữ trong người 1.000.000đ và thu tại chiếc bạc số tiền 120.000đ.

Tang vật thu giữ gồm:

- Thu tại chiếu bạc số tiền 730.000đ dùng đánh bạc (K 120.000đ, D 160.000đ, V 50.000đ và N 400.000đ);

- Tiền thu trong người dùng đánh bạc là 5.000.000đ. (N 4.000.000đ, K 1.000.000đ), 01 bộ bài tây 52 lá.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 173/CT – VKS ngày 12/7/2018, Viện kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh L, Bùi Tuấn A, Bùi Minh T, Trương Thị T1, Trần Thị Thanh N, Nguyễn Quang D, Nông Văn K và Ngô Đình V về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thanh L, Bùi Tuấn A, Bùi Minh T, Trương Thị T1, Trần Thị Thanh N, Ngô Đình V, Nông Văn K và Nguyễn Quang D về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như nội dung Cáo trạng đã truy tố, đề nghị áp dụng điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù; tịch thu sung công quỹ nhà nước tiền dùng đánh bạc, tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng, trả lại cho bị cáo Tuấn A số tiền 1.500.000đ.

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đã truy tố, tỏ thái độ ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo D trình bày quan điểm bào chữa thống nhất về tội danh và khung hình phạt đã truy tố, nên không tranh luận; Luật sư đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có

tiền án tiền sự, là lao động chính phải nuôi con còn nhỏ, vợ mới sinh, Kinh tế gia đình khó khăn, đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung vụ án: Căn cứ lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, các T liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Ngày 02/4/2018, tại quán cà phê phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh, các bị cáo đã có hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền, cụ thể: Sòng bạc thứ nhất gồm bị cáo L, Tuấn A, T và T1 đã đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền bằng hình thức đánh bài phỏm, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 6.140.000đ và sòng bạc thứ 2 gồm bị cáo N, V, K và D đã có hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền bằng hình thức đánh bài phỏm, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 5.730.000đ. Do đó, có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương, đồng thời là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc trái phép sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vì động cơ vụ lợi các bị cáo vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Việc truy tố bị cáo về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cần phải xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và thể hiện sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên giảm cho các bị cáo một phần trách nhiệm hình sự mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Trước khi phạm tội, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi ở ổn định rõ ràng; từ khi được tại ngoại đến nay bị cáo L, Tuấn A, T1, N, K và V không có vi phạm gì, có khả năng tự cải tạo trong môi trường xã hội cụ thể để hoàn lương, không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và tạo điều kiện để các bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình. Bị cáo D và T có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về xử lý tang vật:

- 01 bộ bài tây 52, là vật chứng vụ án, không còn giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 11.870.000đ thu giữ của các bị cáo, là tiền dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Số tiền 1.500.000đ thu của bị cáo Tuấn A, không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh L, Bùi Tuấn A, Bùi Minh T, Trương Thị T1, Trần Thị Thanh N, Ngô Đình V, Nông Văn K** và **Nguyễn Quang D** phạm tội “Đánh bạc”

2- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh L** 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo **Bùi Tuấn A** 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo **Trương Thị T1** 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thanh N** 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo **Ngô Đình V** 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo **Nông Văn K** 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh L, Bùi Tuấn A cho Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trương Thị T1, Trần Thị Thanh N, Ngô Đình V cho Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nông Văn K cho Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

3- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo **Bùi Minh T** 05 (năm) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2018.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang D** 05 (năm) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2018.

5- Áp dụng điểm b, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 11.870.000đ.
- Trả lại cho bị cáo Bùi Tuấn A số tiền 1.500.000đ.

(Phiếu nhập kho số 142 ngày 25/7/2018 và biên lai thu tiền số 0004255 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức)

6- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án để Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

(đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Thủ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an quận Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an quận Thủ Đức;
- Chi cục THA.DS quận Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Vũ Tất Trình

